

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 21/01/2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **Bùi Thị Thu Hồng;**

Các thẩm phán:

1. Ông **Nguyễn Vũ Đông;**

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** -Thư ký Tòa án nhân dân Quận
Hoàng Mai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:Bà **Hoàng Thị Hải-**
Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 223/2018/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2018/HNGĐ-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân quận H bị kháng cáo

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXX ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa:

1.Nguyên đơn: Anh Trần Tân S, sinh năm: 1974;
HKTT và trú tại: 132A L, phường N, quận H, Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

2.Bị đơn: Chị Dương Thị M, sinh năm: 1978;
HKTT và trú tại: 132A L, phường N, quận H, Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

Chị Dương Thị M kháng cáo

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Anh Trần Tân S và chị Dương Thị M lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu nhau. Đây là lần kết hôn đầu tiên của anh S. Trước đó chị M đã kết hôn và đã ly hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sống tại số 132A L, phường N, quận H, Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa chị M và gia đình anh S thường xuyên xảy ra và ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã hai lần được tổ dân phố và hội phụ nữ phường hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng anh chị không cải thiện. Vợ chồng xô xát đã nhiều lần phải gọi công an 113 đến can thiệp. Trên thực tế anh S và chị M đã ly thân hơn 01 năm nay. Nay anh S xác định tình cảm không còn nên anh xin được ly hôn. Chị M cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng rất nhức nhối, tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không đồng ý ly hôn vì con nhỏ.

Về con chung: Anh S và chị M có 01 con chung là cháu Trần Sơn L, sinh ngày 22/11/2016, sức khỏe bình thường. Hiện đang sống cùng anh chị tại nhà của bố mẹ anh S. Ly hôn anh S đồng ý để chị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu L, anh cấp dưỡng nuôi con 1.300.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Hiện anh không có việc làm ổn định chỉ ở nhà phụ giúp mẹ anh bán hàng nên không có thu nhập ổn định. Chị M có nguyện vọng, ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Hiện nay chị cũng không có việc làm và thu nhập ổn định.

Về tài sản, nhà ở và công nợ: Anh chị xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2018/HNGĐ-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân quận H xử cho anh S được ly hôn với chị M; Giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Tân S đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2018 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi anh chị có sự thay đổi khác. Anh S có quyền đi lại thăm hỏi chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không xem xét. Anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngày 26/10/2018, chị Dương Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Dương Thị M yêu cầu kháng cáo không đồng ý ly hôn vì anh S không có trách nhiệm với chị và con chung. Nếu anh S bồi thường cho chị một khoản tiền nuôi con trong thời gian một năm từ trước đến nay là khoảng 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thì chị sẽ đồng ý ly hôn. Về mức cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/tháng.

Anh Trần Tân S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M với lý do như anh đã nêu tại tòa án cấp sơ thẩm, anh chỉ làm việc tự do phụ giúp mẹ bán hàng nên không có thu nhập ổn định nên không đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng / tháng. Ngoài ra trong suốt thời gian chung sống cả hai anh chị đều ở nhà với bố mẹ anh, việc nuôi con là có sự chăm sóc và giúp đỡ của cả anh và gia đình chồng chứ không phải chỉ riêng một mình chị M nuôi con nên anh không chấp nhận thanh toán tiền một năm nuôi con như chị M yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. *Về nội dung vụ án:* Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh S chị M đã mâu thuẫn trầm trọng, ngày càng căng thẳng, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh S không có thu nhập ổn định nên mức cấp dưỡng 1.500.000đồng/tháng là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của chị Dương Thị M trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của chị M:

Anh Trần Tân S và chị Dương Thị M kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 29/12/2015 tại UBND phường N, quận H, Hà Nội nên quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị M là hợp pháp.

[2.1] Về hôn nhân: Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian được nửa năm đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh chị diễn ra liên tục thường xuyên và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chính quyền địa phương cung cấp chủ yếu do kinh tế, anh S không có công việc làm nên không có thu nhập ổn định. Hàng ngày anh S chỉ phụ giúp mẹ đẻ bán quần áo để có thu nhập. Chị M trước đây có đi làm nhưng sau khi lấy chồng sinh con thì chị nghỉ ở nhà không có việc làm. Anh chị mâu thuẫn nhau từ những việc rất nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày. Anh chị không chỉ cãi nhau lời qua tiếng lại mà còn xô xát nhau thường xuyên. Tổ dân phố và hội phụ nữ tiến hành hòa giải hai lần vào tháng 07 và tháng 08 năm 2018. Nhiều lần anh chị xô xát phải gọi cảnh sát 113 vào can thiệp. Chị M thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Chị cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì con nhỏ nên chị không đồng ý ly hôn. Từ sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm đến quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, anh chị sống cùng nhà nhưng vẫn ly thân, không những không ai quan tâm đến ai mà cuộc sống vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, ngột ngạt, chán ghét nhau. Xét anh S và chị M đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích của hôn nhân là vợ chồng yêu thương, chăm sóc nhau, cùng nhau nuôi dạy, chăm sóc gia đình không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử cho anh S được ly hôn là có căn cứ.

Vì vậy yêu cầu kháng cáo của chị M không đồng ý ly hôn anh S không được chấp nhận.

[2.2] Về con : Tại tòa án cấp phúc thẩm, anh chị vẫn giữ nguyên ý kiến về con chung, giao con chung cho chị M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị M yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng /tháng và bồi thường cho chị một khoản tiền nuôi con trong thời gian một năm từ trước đến nay là khoảng 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ khi anh chị kết hôn vẫn chung sống cùng gia đình bố mẹ anh S, chị M từ khi sinh con đến nay chỉ ở nhà trông con, việc ăn uống sinh hoạt có sự giúp đỡ của gia đình anh S và tiền công do anh phụ giúp mẹ bán hàng. Do vậy, chị M cho rằng chỉ một mình chị nuôi con là không có căn cứ, tại Tòa án cấp phúc thẩm chị cũng không xuất trình được bất cứ tài liệu chứng cứ nào khác nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị M. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh việc chị phải trực tiếp nuôi con nhỏ, không có nghề nghiệp ổn định là rất khó khăn, mặc dù anh S không có công việc ổn định nhưng hoàn toàn khỏe mạnh, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng là quá thấp để phụ giúp chị M nuôi con nên cần tăng mức cấp dưỡng nuôi con đối với anh S lên mức 2.000.000 đồng/ tháng.

[2.3] Về tài sản chung nhà ở, công nợ: Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm cả hai anh chị đều xác định không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4]. Về án phí: do sửa án sơ thẩm nên chị Dương Thị M không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả tạm ứng án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Dương Thị M

Sửa bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Tân S, anh Trần Tân S được ly hôn với chị Dương Thị M.

2. Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Trần Sơn L, sinh ngày 22/11/2016. Giao cháu L cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc anh S phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 10/2018 đến khi cháu L tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Tân S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003838 ngày 15/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận H. Xác nhận anh S đã nộp đủ án phí.

Chị Dương Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số AC/2015/0004446 ngày 26/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2019.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận H;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hồng